

Thứ hai, ngày 24 tháng 5 năm 2021

Vietnam Daily Review

Áp sát ngưỡng 1300 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 25/5/2021		•	
Tuần 24/5-28/5/2021		•	
Tháng 5/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Kế thừa đà tăng phiên trước, VN-Index tiếp tục tăng mạnh và áp sát mốc 1.300 điểm trong phiên hôm nay. Dòng tiền đầu tư tiếp tục lan tỏa vào thị trường với 13/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Tuy nhiên, độ rộng thị trường duy trì trạng thái tích cực cùng với thanh khoản nằm ở mức cao vẫn sẽ ủng hộ xu hướng tăng điểm của thị trường. Theo đánh giá của BSC, VNIndex sẽ vận động tích lũy quanh ngưỡng 1.300 điểm trong ngắn hạn trước khi hình thành xu hướng mới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 24/5/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

Phân tích kỹ thuật: VTP_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+14.05** điểm, đóng cửa **1297.98**. HNX-Index **+2.34** điểm, đóng cửa **300.33**.
- Kéo chỉ số tăng: **CTG (+2.92)**; **VHM (+1.87)**; **GVR (+1.86)**; **BID (+1.34)**; **VNM (+1.11)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-0.72)**; **NVL (-0.66)**; **PLX (-0.38)**; **VIC (-0.36)**; **HPG (-0.18)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,758 tỷ đồng**, **+2.90%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 23,635 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 12.47 điểm. Thị trường có **269** mã tăng, 46 mã tham chiếu và **158** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-645.30 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **HPG (-290.7 tỷ)**, **FUEVFNND (-187.3 tỷ)** và **CTG (-181.9 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-3.86 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1297.98**
Giá trị: 21758.16 tỷ **14.05 (1.09%)**
Khối ngoại (ròng): -645.3 tỷ

HNX-INDEX **300.33**
Giá trị: 2452.92 tỷ **2.34 (0.79%)**
Khối ngoại (ròng): -3.86 tỷ

UPCOM-INDEX **82.63**
Giá trị: 806.57 tỷ **1 (1.23%)**
Khối ngoại (ròng): -18.82 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	64.5	1.49%
Giá vàng	1,880	-0.05%
Tỷ giá USD/VND	23,056	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	28,119	0.16%
Tỷ giá JPY/VND	21,184	0.13%
LS liên NH 1 tháng	1.4%	12.44%
LS TPCP 5 năm	1.2%	-1.94%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	48.1	HPG	-290.7
MSN	44.1	FUEVFNND	-187.3
STB	38.3	CTG	-181.9
VHM	34.1	VIC	-80.0
SSI	29.3	VCB	-54.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 24/5

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	64.64	1.67%	-2.50%	5.40%	70.46%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	67.59	1.73%	-2.70%	4.40%	61.27%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	210.41	1.72%	-2.50%	6.20%	76.89%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1877.72	-0.19%	0.60%	5.30%	10.48%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.55	-0.04%	-2.20%	5.40%	56.10%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1515.50	-0.70%	-4.50%	0.10%	75.97%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	658.50	-2.34%	-5.90%	-7.30%	24.54%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.05	-0.44%	-4.60%	-4.10%	10.74%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	231.53	0.41%				DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.62	-0.30%	-2.20%	-1.50%	44.15%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	149.80	-0.20%	2.80%	10.00%	34.11%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9881.50	-1.66%	-3.50%	6.00%	86.85%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	769.91	-3.96%	-11.80%	-1.80%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	825.56	-3.98%	-11.80%	-0.60%			
Nhôm	USD/ton	2370.00	-1.09%	-3.80%	2.60%	57.32%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	164.54	-5.69%	-11.00%	0.90%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	104.70	4.70%	5.30%	21.20%	71.22%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

- Giá dầu**
- Dầu thô Brent tăng 72 US cent hay 1,1% lên 67.16 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 67 US cent hay 1.1% lên 64.25 USD/thùng. HĐTL dầu thô tăng nhẹ bối cảnh người phát ngôn quốc hội Iran cho biết thỏa thuận giám sát hạt nhân giữa họ và liên hợp quốc đã kết thúc và sẽ chấm dứt chia sẻ hình ảnh từ các cơ sở hạt nhân.
- Giá vàng**
- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.2% lên 1,883.12 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York tăng 0.4% lên 1,883.40 USD/ounce.

	24/5	% 24/5	21/5	% 21/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1297.98	1.09%	1283.93	0.45%	3.12%	2.97%
S&P 500			4155.86	-0.08%	-0.43%	-0.42%
HĐTL S&P500	4169.75	0.43%	4151.80	-0.06%	0.29%	1.02%
Shang- hai	3497.28	0.31%	3486.56	-0.58%	-0.58%	0.57%
Euro Stoxx	4026.26	0.01%	4025.78	0.65%	0.48%	0.29%

Phân tích kỹ thuật
VTP_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: VTP đang ở trong trạng thái hồi phục trở lại sau khi có giai đoạn giảm trong 4 tháng đầu năm nay. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 đồng thời đường EMA12 vừa cắt lên trên đường EMA26 nên cổ phiếu tiềm năng sẽ thiết lập đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của VTP nằm tại khu vực 88.5-89. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 100, cắt lỗ nếu ngưỡng 86.3 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

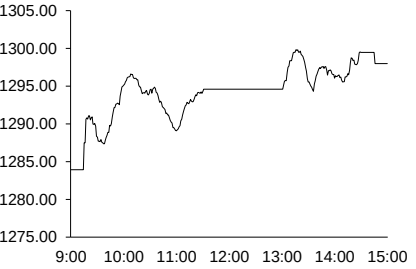
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	5.19%
Ô tô và phụ tùng	2.62%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.66%
Thực phẩm và đồ uống	1.60%
Dịch vụ tài chính	1.39%
Bảo hiểm	1.37%
Xây dựng và Vật liệu	1.29%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.08%
Y tế	1.07%
Bán lẻ	1.02%
Ngân hàng	1.01%
Bất động sản	0.86%
Viễn thông	0.73%
Du lịch và Giải trí	0.56%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.21%
Công nghệ Thông tin	0.04%
Tài nguyên Cơ bản	-0.12%
Truyền thông	-0.32%
Dầu khí	-0.79%

Hình 1

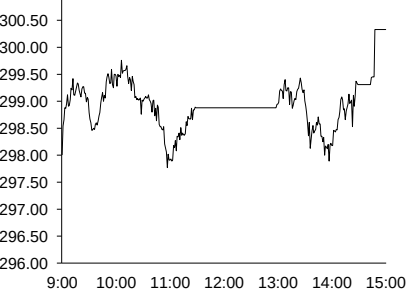
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

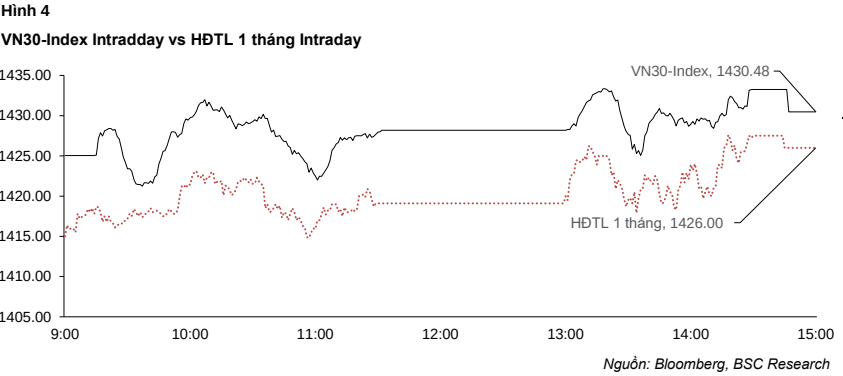
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/21/2021	DXG	24.35	29	22.5	26.05	3	6.98%	Có thể tiếp tục mua
5/20/2021	REE	58.4	63.4	52	59.1	4	1.20%	Có thể tiếp tục mua
5/19/2021	DRC	26.75	32.5	25.6	28.3	5	5.79%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/18/2021	FLC	12.45	14	10	12.15	6	-2.41%	Có thể tiếp tục mua
5/17/2021	VSC	51	57	48	51.7	7	1.37%	Có thể tiếp tục mua
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	24.7	11	7.16%	Có thể tiếp tục mua
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	39.8	12	14.37%	Có thể tiếp tục mua
5/10/2021	HCM	33.2	40.64	30.27	37.2	14	12.05%	Có thể tiếp tục mua
5/7/2021	TPB	29.1	36.5	27.5	33.35	17	14.60%	Có thể tiếp tục mua
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	34.75	18	9.97%	Có thể tiếp tục mua
5/5/2021	HDB	29.05	33.3	25.3	31.75	19	9.29%	Có thể tiếp tục mua
5/4/2021	HLD	32	35.5	28.2	33.4	20	4.38%	Có thể tiếp tục mua
4/29/2021	NLG	35.9	41	33.65	38	25	5.85%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	36	26	1.41%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	TP	6	11.30%
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	SL	6	-12.45%
4/27/2021	VIX	35.05	41.5	30	SL	8	-14.41%
4/26/2021	DRI	10	12	9.5	SL	3	-5.00%
4/23/2021	LHG	36	39.8	34.2	SL	6	-5.00%
4/22/2021	HII	22	24.2	21.4	TP	6	10.00%
4/20/2021	HAX	24.15	28	21	TP	20	15.94%
4/19/2021	BMI	29.15	32.5	27	SL	7	-7.38%
4/16/2021	HPG	54.6	61	52	TP	21	11.72%
4/15/2021	NKG	25.35	30.5	22	TP	25	20.32%
4/14/2021	MSR	22.6	23.9	21	SL	8	-7.08%
4/13/2021	MSN	94.2	98.2	89.1	TP	3	4.25%
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	TP	24	10.32%
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	TP	42	16.93%
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	SL	14	-14.46%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ	FS - Đóng vị thế sớm		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	13	1	7.26%	-2.41%	6.57%	13
Cổ phiếu đã chốt	140	84	13.35%	-8.21%	5.26%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2106	1426.00	0.85%	-4.48	-14.5%	166,655	6/17/2021	26
VN30F2107	1419.90	-0.93%	-10.58	-36.1%	526	7/15/2021	54
VN30F2109	1415.20	0.95%	-15.28	-64.5%	43	9/16/2021	117
VN30F2112	1418.00	1.47%	-12.48	430.1%	546	12/16/2021	208

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +5.44 điểm, lên 1430.48 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như CTG, VNM, VHM, SSI, VRE tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1425-1430 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch , ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2106 và VN30F2109 đang giảm, trong khi VN30F2107 và VN30F2112 đang tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CNVL2102	9/27/2021	126	16:1	1,700,800	30.27%	1,100	4,350	13.28%	890	4.89	145,999	128,399	135,000
CSTB2010	6/11/2021	18	2:1	961,200	43.12%	1,100	8,500	0.35%	8,465	1.00	14,199	11,999	28,900
CVIC2103	9/27/2021	126	20:1	1,902,600	32.34%	1,100	2,680	0.00%	37	72.77	187,899	165,899	122,100
CMBB2102	8/12/2021	80	10:1	965,300	33.23%	1,200	3,720	0.00%	247	15.06	46,468	34,468	34,750
CMBB2010	6/14/2021	21	1:1	247,600	33.23%	4,600	18,620	-0.21%	18,794	0.99	20,600	16,000	34,750
CTCB2012	7/30/2021	67	1:1	229,900	35.57%	5,400	29,100	-0.27%	29,091	1.00	27,400	22,000	50,900
CVPB2103	8/9/2021	77	2:1	216,500	36.98%	2,700	15,800	-2.47%	15,282	1.03	41,900	36,500	66,700
CFPT2016	6/22/2021	29	5:1	382,900	29.89%	2,580	8,730	-3.00%	8,738	1.00	62,900	50,000	93,500
CNVL2003	6/11/2021	18	10:1	971,800	30.27%	1,000	7,260	-4.35%	7,117	1.02	73,979	63,979	135,000
CHPG2103	7/6/2021	43	2:1	302,300	33.57%	3,900	13,200	-5.04%	11,817	1.12	49,800	42,000	65,400
CHPG2102	7/5/2021	42	1:1	190,900	33.57%	6,600	26,650	-5.56%	24,624	1.08	47,600	41,000	65,400
CHPG2105	8/9/2021	77	2:1	320,900	33.57%	3,000	14,200	-5.96%	11,911	1.19	48,000	42,000	65,400
CTCB2102	7/6/2021	43	2:1	396,700	35.57%	2,300	8,700	-7.94%	7,552	1.15	57,200	48,000	50,900
CSTB2103	8/9/2021	77	2:1	476,300	43.12%	1,400	7,340	-9.49%	5,545	1.32	20,800	18,000	28,900
CTCB2103	8/9/2021	77	2:1	416,600	35.57%	2,900	9,800	-10.91%	7,891	1.24	41,300	35,500	50,900
CHPG2107	8/12/2021	80	5:1	711,000	33.57%	1,300	6,200	-11.93%	1,616	3.84	65,868	59,368	65,400
CVHM2104	8/9/2021	77	10:1	634,500	30.85%	1,600	4,250	-13.44%	1,130	3.76	114,000	98,000	106,000
CMBB2101	7/6/2021	43	2:1	733,200	33.23%	1,600	6,920	-14.67%	4,450	1.56	29,200	26,000	34,750
Tổng				#N/A	#N/A								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 24/5/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.
- CNVL2102 tăng mạnh 13.28%. Trái lại, CVNM2103 và CVIC2102 giảm mạnh lần lượt là -25.96% và -22.76%. Giá trị giao dịch giảm -3.30%. CSTB2010 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 4.96% thị trường.
- CVPB2102, CMWG2016, CPNJ2103, CMBB2010, và CSTB2010 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CSTB2010, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CHPG2020, và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	146.0	0.4%	1.0	3,018	3.4	9,051	16.1	4.0	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	101.9	0.1%	1.0	1,007	1.9	4,974	20.5	4.0	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	54.3	1.9%	1.5	1,753	1.1	2,548	21.3	2.0	27.3%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	33.4	0.9%	0.5	325	0.0	3,809	8.8	1.1	54.3%	12.2%
VIC	Bất động sản	122.1	-0.3%	0.7	17,956	10.6	2,174	56.2	5.1	14.4%	9.0%
VRE	Bất động sản	30.9	1.6%	1.1	3,048	6.8	1,175	26.2	2.3	29.7%	9.3%
VHM	Bất động sản	106.0	2.0%	1.1	15,160	23.9	7,874	13.5	3.8	22.6%	33.6%
DXG	Bất động sản	26.1	7.0%	1.3	587	24.1	(61)		2.0	33.3%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	39.8	2.1%	1.5	1,118	28.3	2,776	14.3	2.3	45.8%	16.2%
VCI	Chứng khoán	73.0	-0.9%	1.0	528	6.3	5,703	12.8	2.5	21.8%	22.1%
HCM	Chứng khoán	37.2	2.8%	1.5	493	9.7	2,462	15.1	2.4	47.8%	16.4%
FPT	Công nghệ	93.5	-0.3%	0.9	3,208	10.8	4,718	19.8	4.4	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	79.0	-1.3%	0.4	940	0.2	5,165	15.3	4.6	#####	30.0%
GAS	Dầu khí	82.0	1.2%	1.3	6,824	1.8	3,946	20.8	3.1	2.4%	14.9%
PLX	Dầu khí	56.3	-1.9%	1.5	3,045	7.6	2,915	19.3	3.0	15.5%	16.8%
PVS	Dầu khí	21.9	3.8%	1.6	455	9.0	1,375	15.9	0.9	8.7%	5.4%
BSR	Dầu khí	15.4	2.7%	0.8	2,076	5.7	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	95.0	0.5%	0.4	540	0.1	5,647	16.8	3.3	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	19.0	2.4%	0.7	322	1.1	1,928	9.8	0.9	14.7%	9.4%
DCM	Hóa chất	17.7	4.1%	0.6	407	3.4	1,122	15.8	1.5	3.3%	9.4%
VCB	Ngân hàng	97.4	0.6%	1.1	15,706	7.7	5,709	17.1	3.6	23.3%	22.8%
BID	Ngân hàng	46.0	2.8%	1.3	8,044	14.0	2,048	22.5	2.3	16.7%	10.6%
CTG	Ngân hàng	51.2	6.1%	1.3	8,289	66.5	4,765	10.7	2.1	25.4%	20.9%
VPB	Ngân hàng	66.7	-1.6%	1.2	7,119	114.7	4,626	14.4	2.9	15.4%	22.5%
MBB	Ngân hàng	34.8	0.3%	1.2	4,229	30.9	3,612	9.6	1.9	22.7%	21.6%
ACB	Ngân hàng	37.5	0.0%	1.0	3,524	12.3	3,992	9.4	2.1	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	57.8	1.6%	0.7	206	0.2	6,160	9.4	2.0	82.0%	20.3%
NTP	Nhựa	43.0	2.6%	0.5	220	0.7	3,988	10.8	1.9	19.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	18.7	0.5%	0.7	894	0.3	39	479.5	1.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	65.4	-0.3%	1.1	9,421	67.2	5,476	11.9	3.3	29.3%	31.3%
HSG	Thép	38.0	0.3%	1.3	735	17.3	5,405	7.0	2.1	8.4%	35.0%
VNM	Tiêu dùng	91.2	2.2%	0.7	8,287	17.2	4,682	19.5	6.1	54.8%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	153.9	2.5%	0.8	4,291	1.2	7,561	20.4	5.0	62.9%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	112.0	0.1%	1.0	5,720	10.5	1,281	87.4	8.1	32.7%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	20.0	0.3%	1.2	535	1.5	1,131	17.6	1.6	8.5%	8.7%
ACV	Vận tải	69.9	0.0%	0.8	6,616	0.3	577	121.1	4.1	3.5%	3.4%
VJC	Vận tải	113.5	0.7%	1.1	2,673	2.6	2,256		4.1	18.7%	8.3%
HVN	Vận tải	27.0	0.7%	1.7	1,662	0.7	(9,327)		26.6	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	38.7	1.8%	1.0	506	4.6	1,246	31.0	1.9	40.2%	6.2%
PVT	Vận tải	16.8	0.9%	1.3	236	1.5	2,281	7.3	1.1	12.9%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	96.0	1.3%	1.0	668	1.1	8,479	11.3	3.6	4.0%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	30.5	1.7%	0.4	595	0.2	1,604	19.0	2.1	6.3%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.7	2.3%	0.9	260	0.5	1,566	10.0	1.1	2.8%	11.0%
CTD	Xây dựng	57.0	5.9%	1.0	184	1.5	3,352	17.0	0.5	44.6%	3.0%
CII	Xây dựng	20.2	0.8%	0.5	209	2.5	56	362.2	1.0	29.0%	0.2%
REE	Điện	59.1	1.9%	-1.4	794	2.2	5,770	10.2	1.5	49.0%	16.3%
PC1	Điện	25.3	0.4%	-0.4	210	0.3	2,371	10.7	1.2	11.0%	13.2%
POW	Điện	11.8	0.9%	0.6	1,201	3.7	1,037	11.4	1.0	3.3%	8.6%
NT2	Điện	19.2	2.4%	0.5	240	0.3	1,872	10.3	1.3	15.2%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	34.4	4.9%	1.0	703	8.3	1,639	21.0	1.6	19.3%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	55.4	5%	0.9	2,493	0.1			3.5	2.0%	

BSC

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	51.20	6.11	2.92	30.50MLN
VHM	106.00	2.02	1.87	5.18MLN
GVR	27.10	6.90	1.86	6.73MLN
BID	46.00	2.79	1.34	6.99MLN
VNM	91.20	2.24	1.11	4.35MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VPB	0.00	-0.72	39.71MLN	1.11MLN
NVL	0.00	-0.66	1.12MLN	607060
PLX	0.00	-0.38	3.11MLN	373600
VIC	0.00	-0.36	1.99MLN	192700
HPG	0.00	-0.18	23.59MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SCR	8.88	6.99	0.06	6.30MLN
DXG	26.05	6.98	0.24	21.62MLN
IJC	28.35	6.98	0.11	9.50MLN
COM	42.95	6.97	0.01	100
ELC	13.05	6.97	0.01	673700

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AGM	28.95	-6.91	-0.01	91700
PMG	21.00	-6.67	-0.02	11500
LEC	12.25	-6.49	-0.01	1500.00
TDW	32.05	-6.42	-0.01	800
L10	15.65	-6.29	0.00	100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	21.90	3.79	0.27	9.47MLN
SHB	29.20	0.34	0.22	18.25MLN
VND	45.10	1.81	0.19	4.87MLN
THD	195.80	0.26	0.19	1.50MLN
BAB	25.70	0.78	0.18	142200

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OCH	9.00	-4.26	-0.05	85700
VIT	14.50	-18.04	-0.05	114600
PTI	31.00	-3.13	-0.03	30100
KLF	5.20	-1.89	-0.02	5.01MLN
VNC	34.90	-9.82	-0.02	400

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

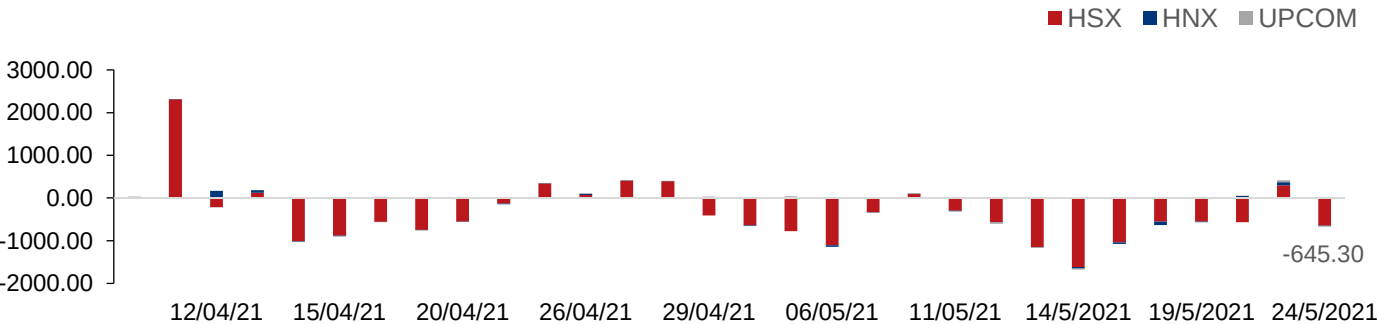
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LAF	15.40	10.0	0.01	1500
ADC	28.70	10.0	0.01	200
QHD	37.60	9.9	0.02	1000
S99	21.10	9.9	0.12	2.77MLN
LBE	23.50	9.8	0.00	600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIT	14.50	-18.04	-0.05	114600
KTS	15.30	-10.00	-0.01	16600
DNC	50.80	-9.93	-0.01	300
VNC	34.90	-9.82	-0.02	400
GDW	23.30	-9.69	-0.01	1400

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	37.5	3,992	9.4	2.1	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	69.9	577	121.1	4.1	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	9.6	600	16.0	0.9	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	27.2	3,834	7.1	1.2	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	51.2	4,765	10.7	2.1	Click
7	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	56.0	13,880	4.0	1.3	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	17.7	1122.1	15.8	1.5	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	70.8	5,505	12.9	2.9	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	138.9	7,653	18.2	4.7	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	19.0	1,928	9.8	0.9	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	28.3	2,379	11.9	1.9	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	26.1	-61		2.0	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	93.5	4,718	19.8	4.4	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	27.1	1,091	24.8	2.3	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	44.2	7,082	6.2	2.0	Click
17	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	65.4	5,476	11.9	3.3	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	38.0	5,405	7.0	2.1	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	15.7	1,566	10.0	1.1	Click
20	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	34.4	1,639	21.0	1.6	Click
21	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	37.5	2,140	17.5	2.5	Click
22	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	23.4			1.7	Click
23	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	36.3	3,258	11.1	1.4	Click
24	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	52.0	5,257	9.9	1.8	Click
25	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	112.0	1,281	87.4	8.1	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	146.0	9,051	16.1	4.0	Click
27	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	38.0	4,008	9.5	1.6	Click
28	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	54.6	7,080	7.7	2.3	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	26.4	2,120	12.5	1.6	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	101.9	4,974	20.5	4.0	Click
31	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	11.8	1,037	11.4	1.0	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	20.1	0	130.7	0.6	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	21.9	1,375	15.9	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	153.9	7,561	20.4	5.0	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	20.0	1,131	17.6	1.6	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	38.1	8272.5	4.6	1.3	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	50.9	4,074	12.5	2.3	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	97.4	5,709	17.1	3.6	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	43.0	4,166	10.3	2.3	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	17.0	570	29.8	1.4	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	39.4	3,837	10.3	1.4	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	106.0	7,874	13.5	3.8	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	91.2	4,682	19.5	6.1	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	66.7	4,626	14.4	2.9	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	30.9	1,175	26.2	2.3	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	90.8	4,060	22.4	6.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express PET 2021Q2	7/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 25930 ; Giá tại Publish 21500 Quan điểm đầu tư: Điều chỉnh giá mục tiêu lên 25,930 đồng/cp. Điều chỉnh và những giả định về tăng đóng góp của mảng dịch vụ phân phối (+34.5% YoY) nhờ vào kết quả kinh doanh khả quan của Apple trong Q1/2021
Express GIL 2021Q2	6/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 31000 ; Giá tại Publish 26000 Dự báo KQKD: Kế hoạch kinh doanh năm 2021: Công ty đặt kế hoạch doanh thu đạt 3,000 tỷ VND và LNST đạt 180 tỷ VND. Cổ tức năm 2021 dự kiến từ 15% - 30%. Hai đối tác lớn nhất hiện nay của doanh nghiệp là Amazon và IKEA – vẫn kinh doanh tăng trưởng giữa đại dịch với doanh thu chủ yếu từ kênh online. Yếu tố này giúp hỗ trợ GIL tránh được áp lực Covid-19 như những đơn vị cùng ngành khác, và kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng xuất khẩu online thông qua 2 đối tác trên Dự báo KQKD: BSC dự báo DTT và LNST 2021 lần lượt đạt 3,888 tỷ VND (+6.6% YoY) và 332 tỷ VND (+29.6% YoY), tương đương EPS FW2021=2,799 VND/cp, tương ứng với mức P/E FW2021=9.3x.
Express DRC 2021Q2	5/5/21	Catalyst: BSC cho rằng DRC sẽ được hưởng lợi đáng kể vì (1) Lớp Radial xe tải, xe bus là sản phẩm xuất khẩu chính của DRC và (2) Thị trường Brazil chiếm 60% doanh thu Radial xuất khẩu của DRC và (3) DRC đang được hưởng mức thuế nhập khẩu 0% vào thị trường này.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639